

Bản án số: **08/2021/DS-ST**

Ngày 11-5-2021

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN-TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Sơn

Ông Huỳnh Bá Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Bích Hậu- Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2020/TLST- DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-DS ngày 22/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SG

Trụ sở: Lầu 8, số 266-268 đường N, phường 8, quận 3, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số ngày 4292/2019/GUQ-PL ngày 30/12/2019 và Giấy ủy quyền số 388/2020/UQ-TTT ngày 04/6/2020): Ông Trương Đình V, chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP SG.(có mặt)

Địa chỉ: Ngân hàng TMCP SG chi nhánh Sông Hàn, số 240 đường N, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Thanh N, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 130, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; các bản tự khai, văn bản trình bày; các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP SG ông Trương Đình V trình bày:

Ngày 29/12/2007, Bà Lê Thị Thanh N có ký với Ngân hàng TMCP SG (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng— các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng được Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án). Căn cứ thu nhập của bà N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân, với lãi suất trong hạn là 1.75%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà N đã nhiều lần thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.946.600 đồng (từ ngày 29/02/2008 đến ngày 31/12/2008 với số lần giao dịch là 9 lần).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà N đã thanh toán nhiều lần cho Ngân hàng với số tiền 38.415.984 đồng (từ ngày 29/02/2008 đến ngày 31/05/2020).

Theo thỏa thuận hợp đồng, bà N vay theo hình thức tín chấp; thời hạn vay theo hạn mức của thẻ tín dụng (không có thời hạn); ngày vay tính từ ngày 29/02/2008; lãi suất thỏa thuận trong hạn là 1,75%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Về căn cứ tính lãi của thẻ tín dụng được quy định tại Điều 22 của Bản điều khoản điều kiện.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà N vẫn không có thiện chí trả nợ. Mặc dù thời hạn hợp đồng chưa hết nhưng do bà N vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nên ngày 01/04/2010 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và Ngân hàng chúng tôi phải khởi kiện buộc bà N phải thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Như vậy, từ ngày 01/04/2010 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà N và lãi suất quá hạn bắt đầu được tính cho bà N bằng 150% của mức lãi suất trong hạn (1.75%/tháng), như vậy lãi suất quá hạn tính như sau: $1.75\% \times 150\% = 2.625\%/tháng$.

Từ ngày 01/04/2010, ngân hàng tính lãi quá hạn là: 2.625%/ tháng x 22.961.705đ (tiền nợ gốc), cho đến khi bà N trả hết tiền nợ gốc.

Số tiền gốc của bà N tính đến ngày 31/03/2010 còn lại như sau:

-Số tiền bà N đã thực hiện giao dịch: 20.946.600đ.

-Số tiền bà N đã thanh toán tính đến ngày 31/03/2010: 13.505.984đ.

- Số tiền nợ lãi và các khoản phí bà N có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 31/03/2010: 1.040.000đ (phí) + 1.854.209đ (phí VHM) + 7.813.587đ (phí trễ hạn) + 4.813.293đ (lãi trong hạn)= 15.521.089đ.

Như vậy tính số tiền bà N đã thực hiện giao dịch rút tiền (20.946.600đ) + số tiền bà N phải có nghĩa vụ thanh toán 15.521.089đ = 36.467.689đ. Bà N mới thanh toán số tiền 13.505.984đ. Do vậy còn nợ lại số tiền 22.961.705đ (nợ gốc) cần phải thanh toán cho Ngân hàng chúng tôi tính đến ngày 31/3/2010.

Từ ngày 01/04/2010 Ngân hàng tính tiền lãi suất quá hạn (2.625%/tháng) trên số tiền gốc là 22.961.705đ cho đến khi bà N trả hết số tiền gốc. Khi bà N nộp tiền thì Ngân hàng sẽ ưu tiên trừ tiền thanh toán vào tiền nợ gốc trước, khi hết tiền nợ gốc mới trừ vào tiền lãi.

Từ ngày 30/04/2010 đến ngày 31/05/2020 bà N đã tiếp tục thanh toán nhiều lần cho Ngân hàng số tiền 24.910.000đ và đã thanh toán hết tiền nợ gốc, phần tiền còn lại được trừ vào tiền lãi.

Hiện nay, bà N chỉ còn nợ Ngân hàng số tiền nợ lãi quá hạn tính từ ngày 01/04/2010 đến ngày 31/5/2020 là 47.175.033đ.

Theo nội dung đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Thanh N phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 31/12/2019 là 60.748.029đ (Sáu mươi triệu, bảy trăm bốn mươi tám ngàn, không trăm hai mươi chín đồng) trong đó tiền nợ gốc là 13.461.705đ, tiền nợ lãi tính đến ngày 31/12/2019 là 47.286.324đ và đề nghị bà N phải thanh toán tiếp số tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 01/01/2020 cho đến khi trả dứt điểm khoản nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho Ngân hàng.

Tính đến thời điểm ngày xét xử hôm nay thì số tiền nợ gốc bà N đã thanh toán xong (thanh toán xong vào ngày 31/5/2020), hiện nay bà N chỉ còn nợ tiền lãi quá hạn với số tiền là 47.175.033đ.

Trước đây, theo nội dung đơn khởi kiện thì tính đến ngày 31/12/2019 do bà N vẫn còn nợ tiền nợ gốc và tiền nợ lãi đối với Ngân hàng, nên Ngân hàng có đề nghị Tòa án buộc bà N phải thanh toán tiếp số tiền lãi phát theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng. Tuy nhiên hiện nay bà N đã trả hết nợ gốc, chỉ còn nợ tiền lãi. Để bảo vệ quyền lợi cho Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà Lê Thị Thanh N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ lãi còn lại tính đến ngày xét xử hôm nay ngày 11/5/2021 là: 47.175.033đ và thay đổi ý kiến là không yêu cầu tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng nữa.

**Bị đơn bà Lê Thị Thanh N đã được Tòa án tiến hành tổng đạt bằng cách niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để bà N trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay bà N vẫn vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý

cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo trừ bị đơn bà Lê Thị Thanh N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ nơi cư trú của bà Lê Thị Thanh N; kết quả xác minh bà N vẫn còn hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 130, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng nhưng bà N đã bán nhà chuyển đi nơi khác không rõ. Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ bằng hình thức niêm yết các văn bản tố tụng cho bà Lê Thị Thanh N nhưng bà N vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn bà Lê Thị Thanh N.

Về nội dung: Căn cứ quy định tại Điều 471, 474, 476, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, 418, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SG đối với bà Lê Thị Thanh N. Buộc bà N phải trả cho Ngân hàng TMCP SG số tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử 11/5/2021 là 47.175.033đ (là số tiền nợ lãi quá hạn tính từ ngày 01/04/2010 đến ngày 31/5/2020 mà bà N chưa thanh toán cho Ngân hàng) là đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm bà N phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP SG.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP SG đã nộp tại Tòa án nhân dân quận Sơn Trà thụ lý giải quyết và được chuyển đến Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng để giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Do bị đơn bà Lê Thị Thanh N vi phạm việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết nên các bên tranh chấp và Ngân hàng TMCP SG khởi kiện đối với bà N ra Tòa án; Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Lê Thị Thanh N phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 31/12/2019 là 60.748.029đ; trong đó tiền nợ gốc là 13.461.705đ, tiền nợ lãi tính đến ngày 31/12/2019 là 47.286.324 và được Tòa án nhân dân quận Sơn Trà thụ lý vào ngày 24/6/2020 là vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đến tại địa chỉ cư trú của bà Lê Thị Thanh N, sinh ngày 21/11/1982 và quá trình xác minh thể hiện bà N vẫn còn hộ

khẩu thường trú tại địa chỉ Tổ 130, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng nhưng bà N đã bán nhà chuyển đi nơi khác không rõ, bà N không thông báo lại địa chỉ mới cho Ngân hàng thì được coi là cố tình giấu địa chỉ để trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do vậy, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ bằng hình thức niêm yết các văn bản tố tụng cho bà Lê Thị Thanh N nhưng bà N vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn bà Lê Thị Thanh N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân quận Sơn Trà - TP Đà Nẵng đã thụ lý giải quyết vụ án thì Ngân hàng TMCP SG yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Lê Thị Thanh N phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 31/12/2019 là 60.748.029đ (Sáu mươi triệu, bảy trăm bốn mươi tám ngàn, không trăm hai mươi chín đồng) trong đó tiền nợ gốc là 13.461.705đ, tiền nợ lãi tính đến ngày 31/12/2019 là 47.286.324đ và đề nghị bà N phải thanh toán tiếp số tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 01/01/2020 cho đến khi trả dứt điểm khoản nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho Ngân hàng.

Quá trình Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng thụ lý đơn khởi kiện và thụ lý vụ án để giải quyết thì trong khoảng thời gian từ ngày 30/04/2010 đến ngày 31/05/2020 bà N đã tiếp tục thanh toán nhiều lần cho Ngân hàng với tổng cộng số tiền 24.910.000đ, bà N đã thanh toán hết tiền nợ gốc vào ngày 31/5/2020, phần tiền bà N thanh toán còn lại được trừ vào tiền nợ lãi cho bà N.

Tính đến thời điểm ngày xét xử 11/5/2021, bà N chỉ còn nợ Ngân hàng số tiền nợ lãi quá hạn tính từ ngày 01/04/2010 đến ngày 31/5/2020 là 47.175.033đ.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền nợ gốc bà N đã trả xong (trả xong vào ngày 31/5/2020), nợ lãi mà Ngân hàng TMCP SG yêu cầu bà N phải thanh toán tính đến ngày xét xử 11/5/2021(số tiền nợ lãi quá hạn tính từ ngày 01/04/2010 đến ngày 31/5/2020) là 47.175.033đ; đối với việc đề nghị bà N thanh toán tiếp số tiền nợ lãi phát sinh cho Ngân hàng cho đến khi bà N trả dứt điểm khoản nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng, thể hiện tại đơn khởi kiện thì hiện nay do bà N đã trả trả hết nợ gốc nên ngân hàng thay đổi ý kiến không yêu cầu nội dung này nữa.

HĐXX xét thấy:

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đến tại địa chỉ cư trú của bà Lê Thị Thanh N và quá trình xác minh thể hiện bà N vẫn còn hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Tổ 130, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng nhưng bà N đã bán nhà chuyển đi nơi khác không rõ, bà N không thông báo lại địa chỉ mới cho Ngân hàng thì được coi là cố tình giấu địa chỉ để trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ bằng hình thức niêm yết các văn bản tố tụng cho bà Lê Thị Thanh N để đến Tòa án tham gia phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà N vẫn cố tình trốn tránh, không đến Tòa án theo triệu tập do vậy bà N không có lời khai cung cấp cho Tòa án được.

[2.3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ngày 29/12/2007, Bà Lê Thị Thanh N có ký với Ngân hàng TMCP SG (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng được Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án). Căn cứ thu nhập của bà N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân, với lãi suất trong hạn là 1.75%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.946.600 đồng (từ ngày 29/02/2008 đến ngày 31/12/2008 với số lần giao dịch là 9 lần).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà N đã thanh toán nhiều lần cho Ngân hàng với số tiền 38.415.984 đồng (từ ngày 29/02/2008 đến ngày 31/05/2020).

Theo thỏa thuận hợp đồng, bà N vay theo hình thức tín chấp; thời hạn vay theo hạn mức của thẻ tín dụng (không có thời hạn); ngày vay tính từ ngày 29/02/2008; lãi suất thỏa thuận trong hạn là 1,75%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Về căn cứ tính lãi của thẻ tín dụng được quy định tại Điều 22 của Bản điều khoản điều kiện.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà N vẫn không có thiện chí trả nợ. Mặc dù thời hạn hợp đồng chưa hết nhưng do bà N vi phạm thỏa thuận về thanh toán nên ngày 01/04/2010 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Từ ngày 01/04/2010, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà N và lãi suất quá hạn bắt đầu được tính cho bà N bằng 150% của mức lãi suất trong hạn (1.75%/tháng), như vậy lãi suất quá hạn tính như sau: $1.75\% \times 150\% = 2.625\%/tháng$.

Từ ngày 01/04/2010, ngân hàng tính lãi quá hạn là: 2.625%/tháng x 22.961.705đ (tiền nợ gốc), cho đến khi bà N trả hết tiền nợ gốc.

Số tiền gốc của bà N tính đến ngày 31/03/2010 còn lại như sau:

-Số tiền bà N đã thực hiện giao dịch: 20.946.600đ.

-Số tiền bà N đã thanh toán tính đến ngày 31/03/2010: 13.505.984đ

-Số tiền nợ lãi và các khoản phí bà N có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 31/03/2010: 1.040.000đ (phí) + 1.854.209đ (phí VHM) + 7.813.587đ (phí trễ hạn) + 4.813.293đ (lãi trong hạn)= 15.521.089đ.

Như vậy tính số tiền bà N đã thực hiện giao dịch rút tiền (20.946.600đ) + số tiền bà N phải có nghĩa vụ thanh toán 15.521.089đ = 36.467.689đ. Bà N mới thanh toán số tiền 13.505.984đ. Do vậy còn nợ lại số tiền 22.961.705đ (nợ gốc) cần phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 31/3/2010.

Từ ngày 01/04/2010 Ngân hàng tính tiền lãi suất quá hạn (2.625%/tháng) trên số tiền gốc là 22.961.705đ cho đến khi bà N trả hết số tiền gốc. Khi bà N nộp tiền thì Ngân hàng sẽ ưu tiên trừ tiền thanh toán vào tiền nợ gốc trước, khi hết tiền nợ gốc mới trừ vào tiền lãi.

Từ ngày 30/04/2010 đến ngày 31/05/2020 bà N đã tiếp tục thanh toán nhiều lần cho Ngân hàng số tiền 24.910.000đ và đã thanh toán hết tiền nợ gốc vào ngày 31/5/2020, phần tiền bà N thanh toán còn thừa lại trong số tiền 24.910.000đ được Ngân hàng trừ vào tiền nợ lãi.

Hiện nay, bà N chỉ còn nợ Ngân hàng số tiền nợ lãi quá hạn tính từ ngày 01/04/2010 đến ngày 31/5/2020 là 47.175.033đ.

Mặc dù thời hạn hợp đồng chưa hết nhưng do bà N vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nên ngày 01/04/2010 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và Ngân hàng phải khởi kiện buộc bà N phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng tính đến thời điểm xét xử là phù hợp quy định tại Điều 426 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền nợ gốc bà N đã trả xong (trả xong vào ngày 31/5/2020), hiện chỉ còn tiền nợ lãi và số tiền nợ lãi mà Ngân hàng TMCP SG yêu cầu bà N phải thanh toán tính đến ngày xét xử 11/5/2021(số tiền nợ lãi quá hạn tính từ ngày 01/04/2010 đến ngày 31/5/2020) là 47.175.033đ.

[2.4] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. HĐXX thấy có đủ cơ sở để áp dụng Điều 471, 474, 476, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SG, buộc bà Lê Thị Thanh N phải trả cho Ngân hàng TMCP SG số tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử 11/5/2021 là 47.175.033đ (là số tiền nợ lãi quá hạn tính từ ngày 01/04/2010 đến ngày 31/5/2020 mà bà N chưa thanh toán cho Ngân hàng) là đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2.5] Án phí dân sự sơ thẩm bà N phải chịu là 2.358.751đ (Hai triệu, ba trăm năm mươi tám ngàn, bảy trăm năm mươi một đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.518.701đ cho Ngân hàng TMCP SG.

[2.6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng đề nghị:

- Căn cứ quy định tại Điều 471, 474, 476, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, 418, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SG đối với bà Lê Thị Thanh N. Buộc bà N phải trả cho Ngân hàng TMCP SG số tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử 11/5/2021 là 47.175.033đ (là số tiền nợ lãi quá hạn tính từ ngày 01/04/2010 đến ngày 31/5/2020 mà bà N chưa thanh toán cho Ngân hàng) là đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm bà N phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP SG.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 471, 474, 476, 477 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Điều 357, 428, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019
- Điều 147, khoản 2 Điều 227, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SG đối với bà Lê Thị Thanh N về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

- Buộc bà Lê Thị Thanh N phải trả cho Ngân hàng TMCP SG số tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử 11/5/2021 là **47.175.033đ** (Bốn mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi lăm ngàn, không trăm ba mươi ba đồng) (là số tiền nợ lãi quá hạn tính từ ngày 01/04/2010 đến ngày 31/5/2020 mà bà N chưa thanh toán cho Ngân hàng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.358.751đ (Hai triệu, ba trăm năm mươi tám ngàn, bảy trăm năm mươi một đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP SG số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 1.518.701đ (Một triệu, năm trăm mười tám ngàn, bảy trăm lẻ một đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0006162 ngày 23/6/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng.

III. Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bà Lê Thị Thanh N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga

